



1-32

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Marketing quốc tế *2*

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0710331097	Nguyễn Đức	Duy	05/11/2000	QM7A	01					HP,ĐK
2	000002	1101081436	Chu Thị Phương	Anh	18/06/2005	TM11A	01	1	6,5	01	<i>Chấn</i>	Chấn
3	000003	1101081095	Nguyễn Trung	Anh	27/11/2005	TM11A	01	2	5,8	01	<i>Lê</i>	Lê
4	000004	1101081405	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	25/02/2004	TM11A	01	3	6,6	01	<i>Ánh</i>	Chấn
5	000005	1101080387	Nguyễn Tiến	Bộ	20/05/2005	TM11A	01	4	3,3	01	<i>Bộ</i>	Lê
6	000006	1101080510	Phạm Hải	Đặng	23/02/2005	TM11A	01	5	6,0	01	<i>Đặng</i>	Chấn
7	000007	1101070433	Lý Thị Mai	Duyên	03/09/2005	TM11A	01	6	4,7	01	<i>Huyền</i>	Lê
8	000008	1101081101	Lê Ngọc	Hà	08/02/2005	TM11A	01	7	6,4	01	<i>Hà</i>	Chấn
9	000009	1101080394	Trần Thị Việt	Hà	22/08/2005	TM11A	01	8	7,6	01	<i>Hà</i>	Lê
10	000010	1101080396	Nguyễn Minh	Hằng	02/07/2005	TM11A	01	9	7,2	01	<i>Hằng</i>	Chấn
11	000011	1101080398	Đỗ Quốc	Hiếu	23/11/2005	TM11A	01	10	5,2	01	<i>Hiếu</i>	Lê
12	000012	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	01	11	5,3	01	<i>Huyền</i>	Chấn
13	000013	1101080572	Nguyễn Ngọc	Huyền	15/11/2005	TM11A	01	12	4,1	01	<i>Huyền</i>	Lê
14	000014	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	01	13	7,3	01	<i>Lan</i>	Chấn
15	000015	1101080401	Bùi Hương	Linh	08/10/2005	TM11A	01	14	7,5	01	<i>Linh</i>	Lê
16	000016	1101080403	Lê Thùy	Linh	06/12/2005	TM11A	01	15	7,1	01	<i>Linh</i>	Chấn
17	000017	1101080404	Nguyễn An Túc	Linh	26/04/2004	TM11A	01	16	5,8	01	<i>Linh</i>	Lê
18	000018	1101081348	Nguyễn Ngọc	Linh	24/06/2004	TM11A	01	17	9,2	02	<i>linh</i>	Chấn
19	000019	1101080405	Nguyễn Ngọc Khánh Linh		28/08/2005	TM11A	01	18	6,4	01	<i>khánh</i>	Lê
20	000020	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	01	19	5,2	01	<i>linh</i>	Chấn
21	000021	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	01					HP
22	000022	1101081107	Vũ Mạnh	Lương	22/08/2005	TM11A	01					HP,ĐK
23	000023	1101080409	Hoàng Trung	Lưu	07/05/2004	TM11A	01					HP,ĐK
24	000024	1101080410	Tạ Thị	Lý	09/04/2005	TM11A	01	20	7,5	01	ly	Chấn
25	000025	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	01	21	4,6	01	<i>Mai</i>	Lê
26	000026	1101081111	Nguyễn Thanh	Quang	30/12/2004	TM11A	01					HP,ĐK
27	000027	1101080416	Nguyễn Thị Tô	Quyên	01/01/2005	TM11A	01	22	5,5	01	<i>Quyên</i>	Lê
28	000028	1101080417	Nguyễn Lê Nhật	Quỳnh	13/12/2005	TM11A	01	23	7,3	01	<i>Quỳnh</i>	Chấn
29	000029	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01	24	4,0 - không	01	<i>Thái</i>	Lê BB

th

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
30	000030	1101080419	Vũ Tiến	Thành	27/01/2005	TM11A	01	25	6,0	01		chấm
31	000031	1101081435	Vũ Thị Thanh	Thùy	12/10/2005	TM11A	01	26	5,5	01	Thùy	điểm BB
32	000032	1101080421	Nguyễn Văn	Tới	30/10/2005	TM11A	01	27	5,5	01	Tới	Chech
33	000033	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	01	28	7,5	01	Teg	lẻ
34	000034	1101080423	Trần Thị Thu	Trang	10/06/2005	TM11A	01	29	7,0	01	Trang	chấm
35	000035	1101080424	Nguyễn Đức	Trung	02/10/2005	TM11A	01	30	3,0	01	Trung	lẻ
36	000036	1101081406	Dương Minh	Tuấn	28/11/2005	TM11A	01	31	5,9	01	Tuấn	chấm
37	000037	1101080758	Ngô Thị	Yên	09/09/2005	TM11A	01	32	6,3	01	Yên	Yên Lê

Tổng số sinh viên dự thi:....32.

Tổng số tờ giấy thi:....33.

Tổng số biên bản:.....02.

Ngày 20. tháng 6. Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Trần Thị Lệ

Vũ Thị Hằng